

Số: /QĐ-VP

Hợp Thịnh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2026
của Văn phòng HĐND và UBND xã**

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hợp Thịnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Hợp Thịnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND xã Hợp Thịnh về việc bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ tháng 3/2026 (đợt 2)

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-VP ngày 25/12/2025 của Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp Thịnh về phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng HĐND và UBND xã phụ trách Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp Thịnh cụ thể:

- Bổ sung kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031 số tiền: 9.100.000 đồng (*Chín triệu, một trăm nghìn đồng chẵn*).

- Điều chỉnh giảm dự toán chi quốc phòng: 3.177.759.000 đồng (*Ba tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn*)

Tổng dự toán thu, chi sau điều chỉnh, bổ sung là: **22.827.341.000 đồng** (*Hai mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn*).

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt, các bộ phận sắp xếp và chủ động thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không để xảy ra thất thoát, lãng phí tiền, tài sản nhà nước.

Giao bà Nguyễn Thị Linh – Công chức phụ trách kế toán của Văn phòng HĐND và UBND xã tổ chức hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận; định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả về Văn phòng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các cá nhân, bộ phận có liên quan của Văn phòng HĐND và UBND xã, Kho bạc nhà nước khu vực VI – PGD số 2 và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- LĐVP; CCVP;
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Sơn

Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp Thịnh

Chương: 830

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VP ngày 31/3/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Mã khoản	Mã nguồn NSNN	Dự toán giao tại QĐ số 196/QĐ-VP	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh
A	TỔNG THU					
-	Thu phí, lệ phí			-		
-	Thuế phải nộp					
B	NHIỆM VỤ CHI			25.996.000.000	-3.168.659.000	22.827.341.000
1	Chi quản lý hành chính	341		12.183.000.000	9.100.000	12.192.100.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			-	-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			12.183.000.000	9.100.000	12.192.100.000
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương, phụ cấp...		12	3.725.000.000	-	3.725.000.000
-	Chi cho người lao động ký hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		12	243.000.000	-	243.000.000
-	Chi hoạt động thường xuyên theo biên chế		12	1.130.000.000	-	1.130.000.000
-	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP		18	235.000.000	-	235.000.000
-	Chi phụ cấp đại biểu HĐND		12	1.685.000.000	-	1.685.000.000
-	Chi trả cho người hoạt động không chuyên trách thôn (Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Thôn đội trưởng, Nhân viên y tế dân số)		12	4.030.000.000	-	4.030.000.000
-	Hỗ trợ vận hành trụ sở cơ quan, tổ chức hội nghị, đoàn vào, đoàn ra, công tác đối ngoại...		12	810.000.000	9.100.000	819.100.000
-	Chi hoạt động tiếp công dân, giải quyết đơn thư, hòa giải cơ sở		12	122.000.000	-	122.000.000
-	Chi phục vụ các kỳ họp, giám sát, khảo sát... của HĐND xã		12	203.000.000	-	203.000.000
2	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	103		340.000.000	-	340.000.000
-	Chi quản lý trang thông tin điện tử		12	40.000.000	-	40.000.000
-	Phối hợp truyền thông với các cơ quan của tỉnh, trung ương, báo đài...		12	300.000.000	-	300.000.000
3	Chi bảo đảm xã hội	398		100.000.000	-	100.000.000
-	Thực hiện Quy định số 35-QĐ/ĐU ngày 20/8/2025 của Đảng ủy		12	100.000.000	-	100.000.000
4	Chi an ninh	041		9.301.000.000	-	9.301.000.000
-	Phụ cấp lực lượng an ninh cơ sở		12	7.355.000.000	-	7.355.000.000
-	Chi trực, bồi dưỡng của lực lượng an ninh cơ sở		12	1.946.000.000	-	1.946.000.000

5	Chi quốc phòng	011		4.072.000.000	-3.177.759.000	894.241.000
-	Phụ cấp quân sự (Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó, thôn đội trưởng...)		12	505.000.000	-209	504.999.791
-	Tổ chức tuyển quân, huy động lực lượng dự bị động viên		12	405.000.000	-169.436.000	235.564.000
-	Trực sẵn sàng chiến đấu		12	162.000.000	-27.734.400	134.265.600
-	Chi vận hành trụ sở, tuyên truyền, mô hình học cụ, hậu phương quân đội...		12	203.000.000	-183.588.391	19.411.609
-	Kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ		12	2.797.000.000	-2.797.000.000	-
Mã số đơn vị sử dụng NSNN: 1153130						
Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 1170						